CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cơ khí - Lắp máy Sông Đà

Ngày 30/06/2025	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 5,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39
Số lượng CPLH (CP)	8,353,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,115
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.17
EPS	
P/E	

DT thuần
Q2/25
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q2/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

ROE (TTM)
Q2/25

DT thuần
6T 2025
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế
6T 2025
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

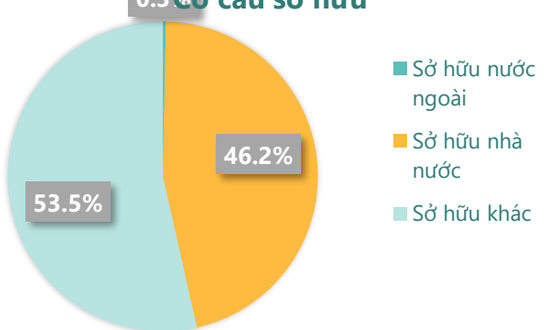

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

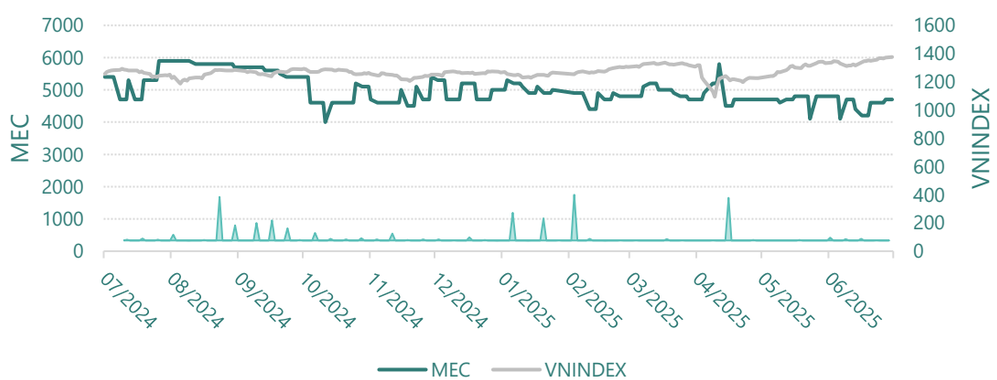

Cơ cấu cổ đông

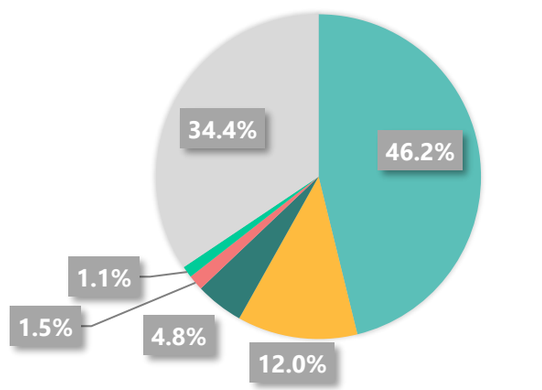

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

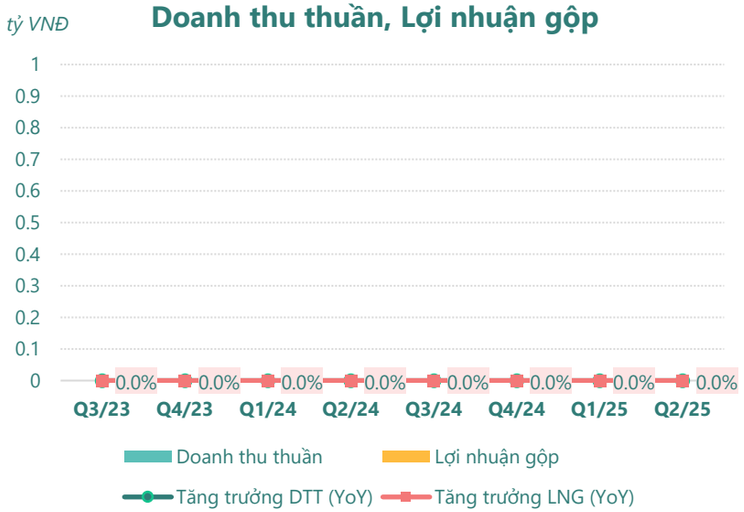

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

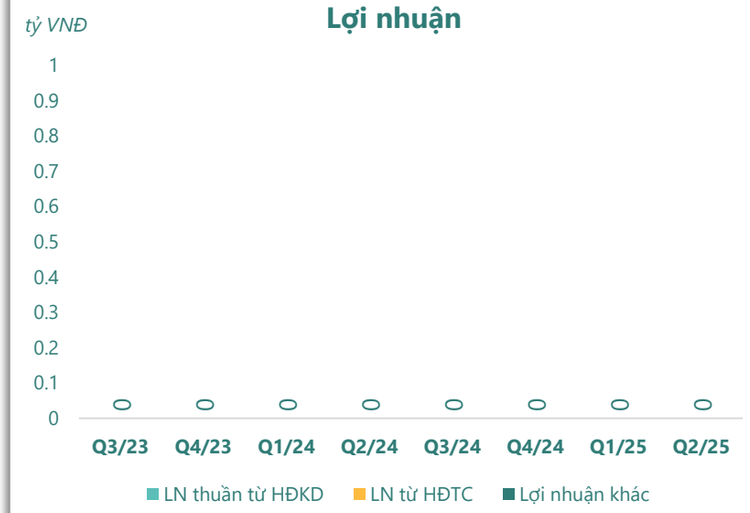

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

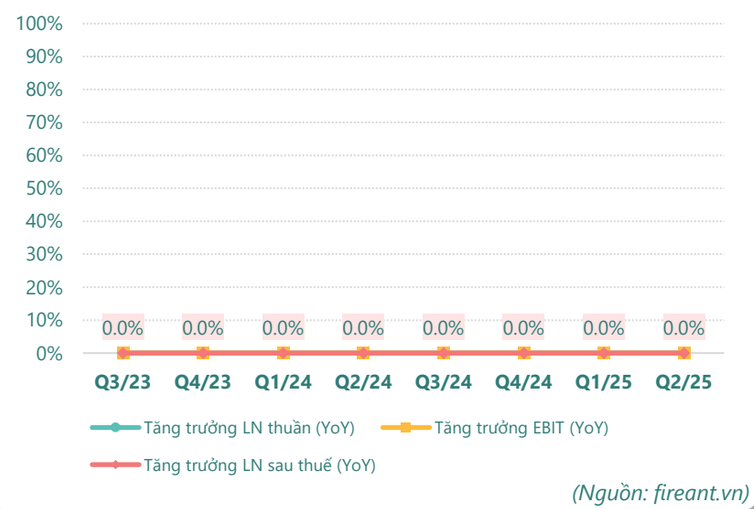

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

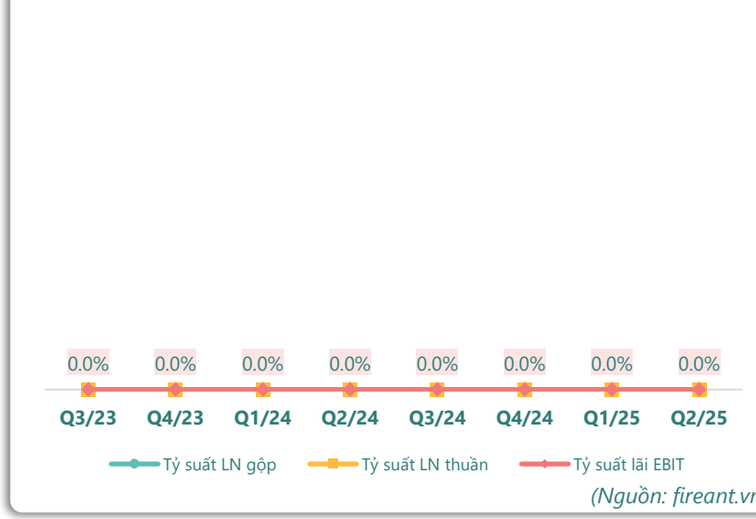

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

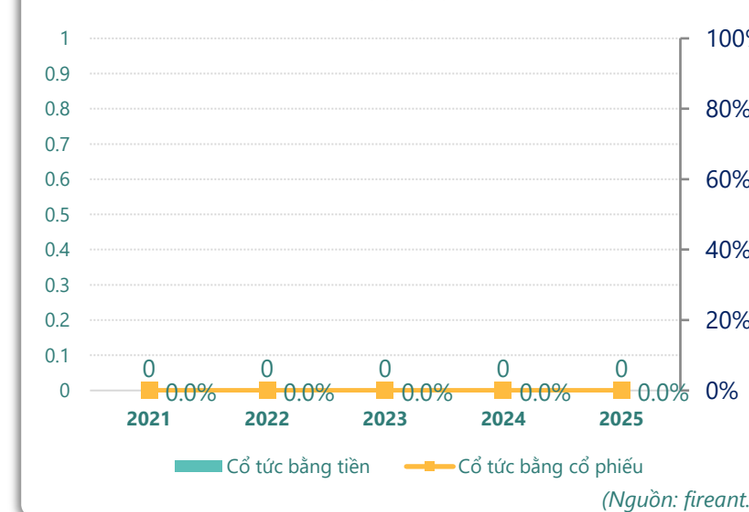

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

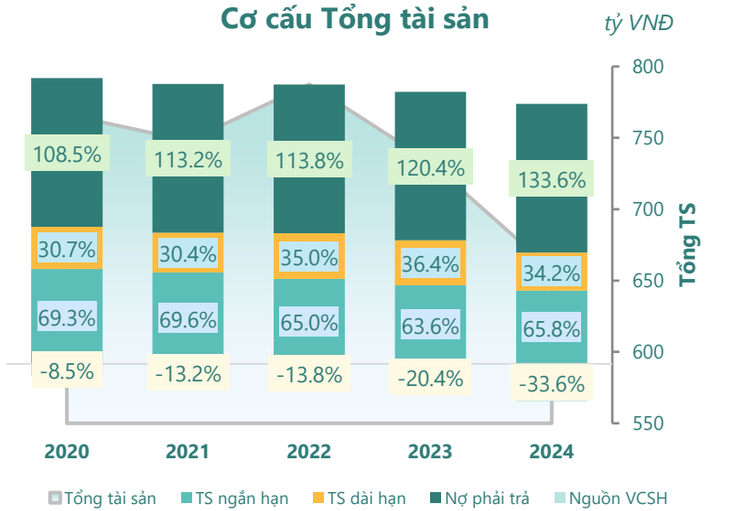

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

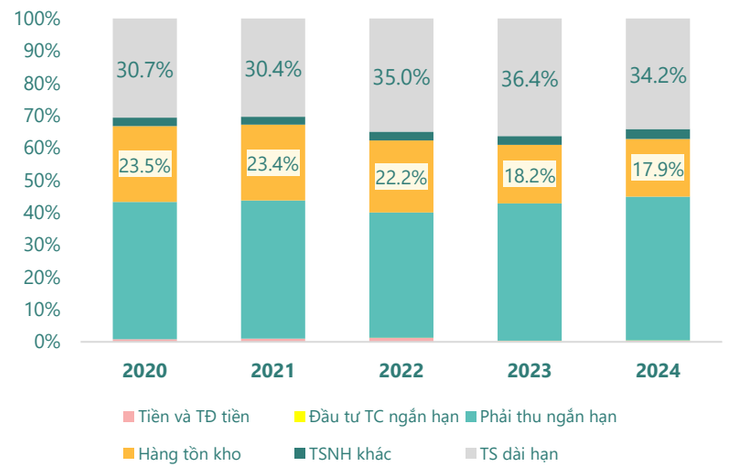

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

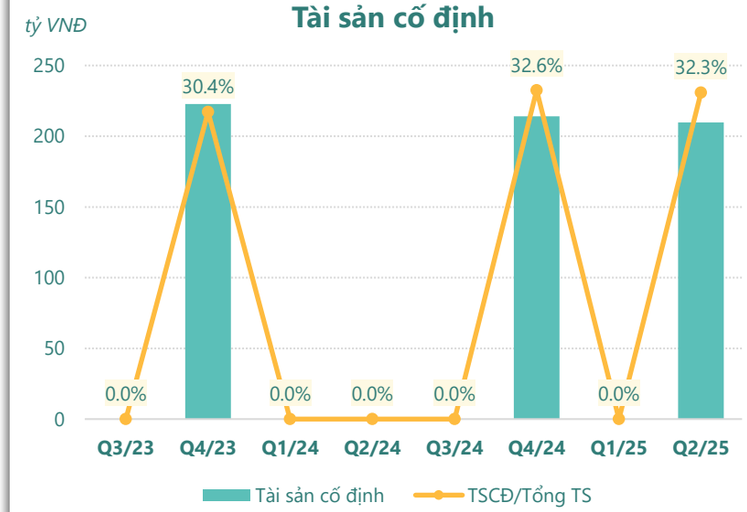

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

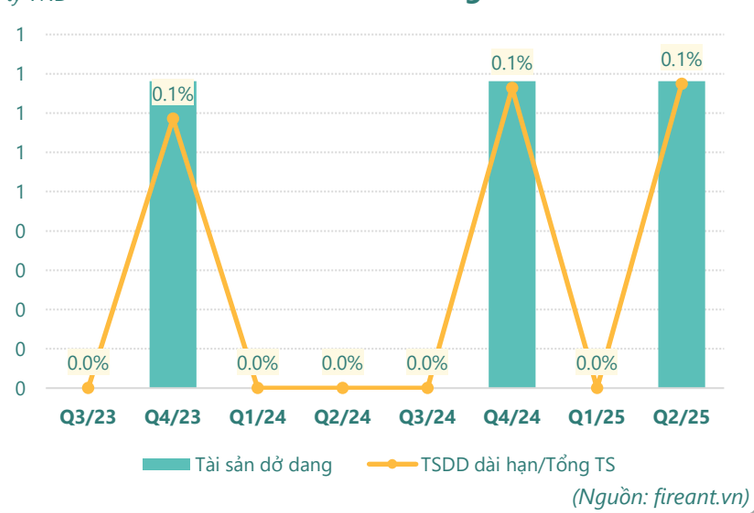

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

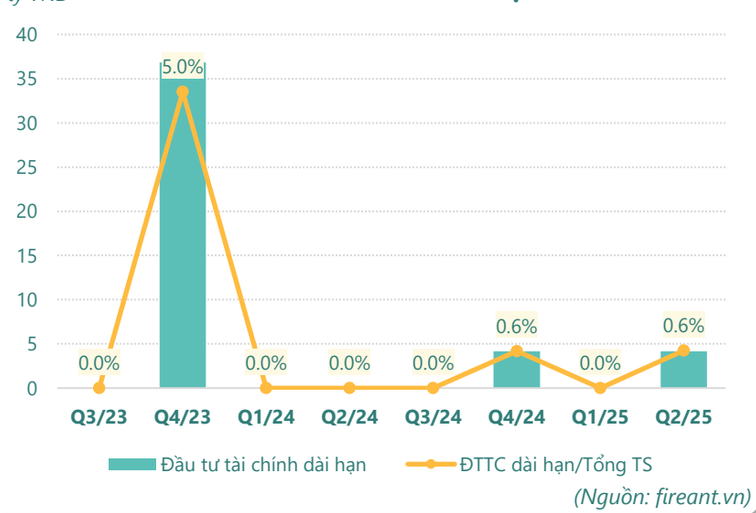

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

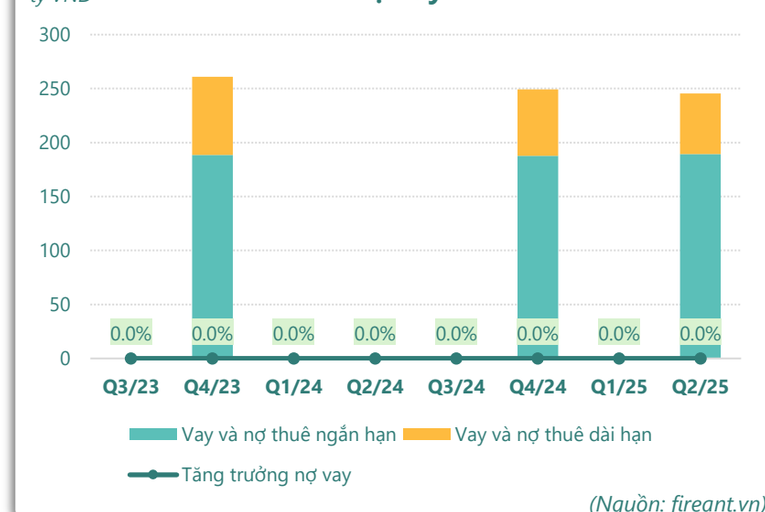

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

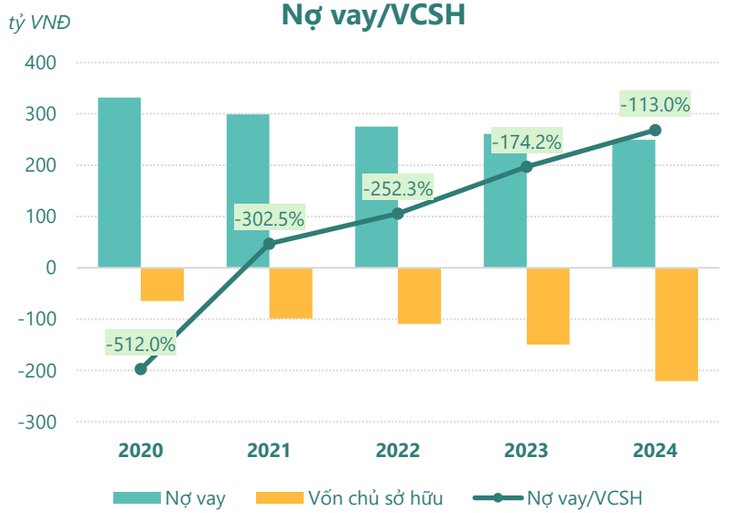

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

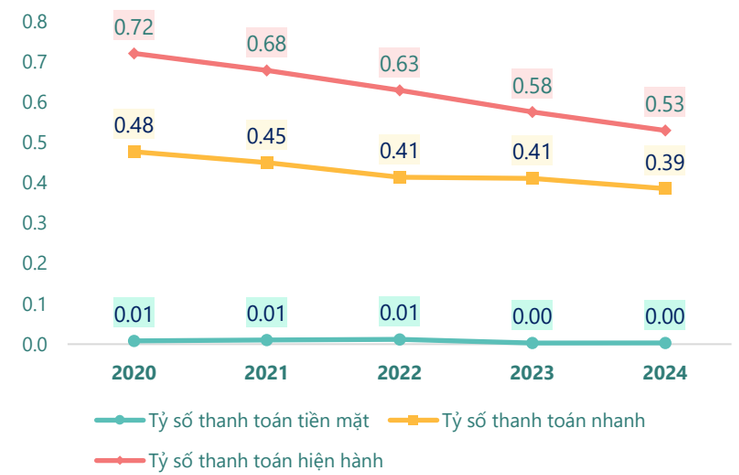

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

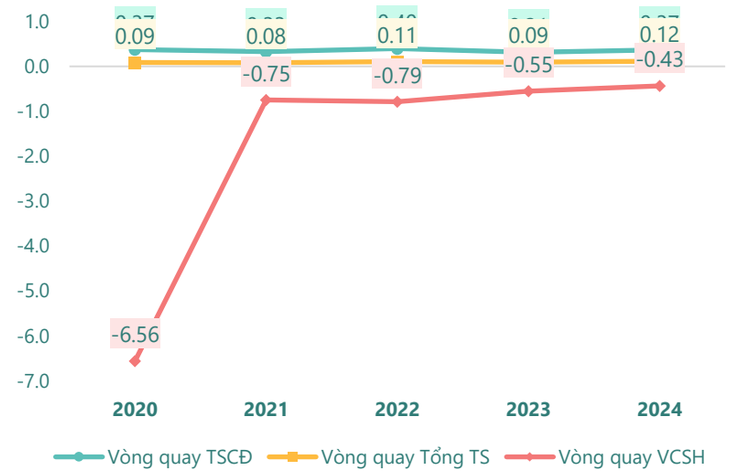

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

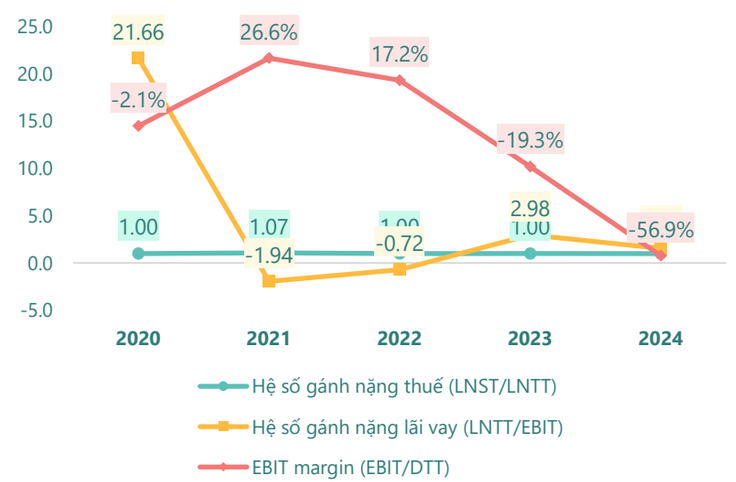

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

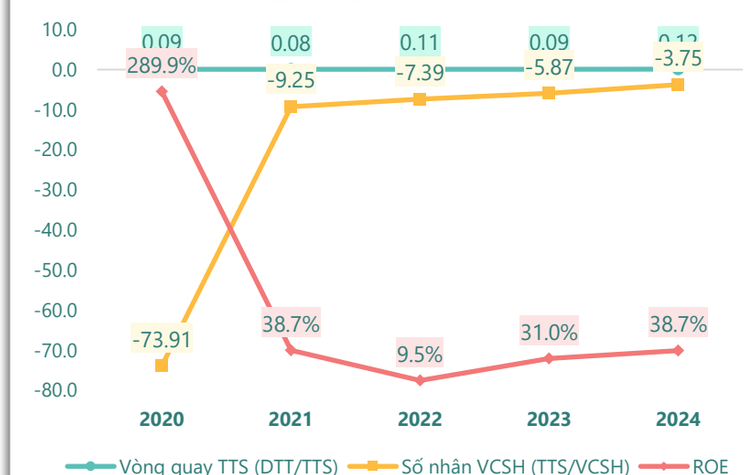

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

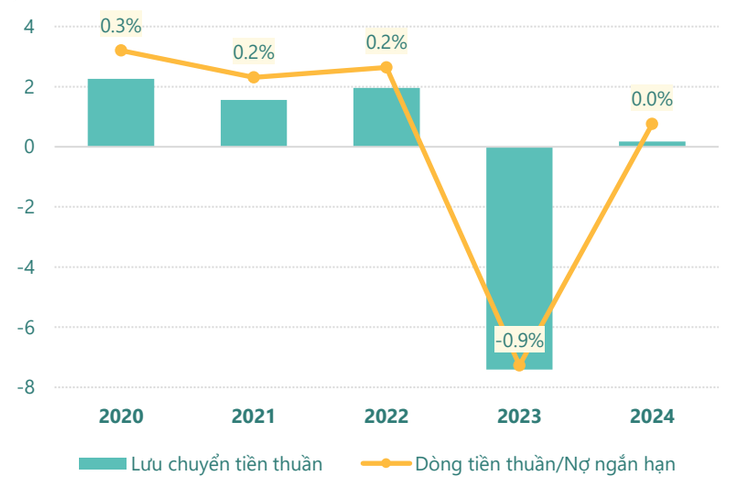

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần						
Giá vốn hàng bán						
Lợi nhuận gộp						
Doanh thu HĐTC						
Chi phí TC						
Chi phí lãi vay						
LN trong công ty LKLD						
Chi phí bán hàng						
Chi phí QLDN						
LN thuần từ HĐKD						
Lợi nhuận khác						
LN trước thuế						
Lợi nhuận sau thuế						
LNST của CĐ cty mẹ						

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**649**	**658**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	428	433	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	1.28	2.42	-47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.46	0.45	4.2%
Phải thu ngắn hạn	282	292	-3.4%
Hàng tồn kho	124	118	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	20.2	19.9	1.6%
Tài sản dài hạn	**220**	**225**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	210	214	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.14	4.14	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**5.70**	**5.82**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	884	878	0.6%
Nợ ngắn hạn	**828**	**817**	**1.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	188	0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	158	158	0.2%
Nợ dài hạn	56.1	61.6	-8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.1	61.6	-8.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-235**	**-221**	**-6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**-235**	**-221**	**-6.6%**
Vốn điều lệ	83.5	83.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)